

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

**BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN**

Tên gói thầu:	Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021
Phát hành ngày:	22/7/2021
Ban hành kèm theo Quyết định số:	Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 21/7/2021 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2021

**Đại diện hợp pháp bên mời thầu
GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Giới

MỤC LỤC

TỪ NGỮ VIẾT TẮT	2
CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ	3
CHƯƠNG II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU	6
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU.....	7
CHƯƠNG IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG	10
PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA.....	20

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư/bên mời thầu	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư 14/2020/TT-BYT	Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế ban hành về việc quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập

Chương I. YÊU CẦU NỘI BẢO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021.

Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II và Phụ lục Phạm vi cung cấp hàng hóa của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: **23 mặt hàng, xét theo từng mặt hàng** (Mỗi mặt hàng trong danh mục hàng hóa mời thầu là một phần của gói thầu và nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu).

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ khi ký hợp đồng đến hết ngày 31/8/2021.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

7. **Nhà thầu phải đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo quy định.**

Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa dự thầu được coi là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Phải có xuất xứ rõ ràng và được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam

2. Phải phù hợp, đủ, đúng chuẩn các đặc tính kỹ thuật, phân nhóm kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời thầu.

3. Phải có các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định.

Mục 4. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bảng giá chào theo Mẫu số 03 Chương III;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu và của người ký đơn chào hàng;
6. Giấy ủy quyền ký đơn chào hàng (nếu có);
7. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ, sự phù hợp của hàng hóa.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử trước 10 giờ 00 phút, ngày 28/7/2021, cụ thể như sau:

- Địa chỉ nộp báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, điện thoại: 0255.3827899
- Email tiếp nhận báo giá: bvdkaogia@gmail.com

Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 8. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được đánh giá có đủ tư cách hợp lệ được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có đầy đủ tài liệu chứng minh đúng tính hợp lệ và sự phù hợp của hàng hóa đáp ứng với yêu cầu về tên hàng hóa, đặc điểm kỹ thuật và phân nhóm kỹ được quy định tại Điều 4, Thông tư 14/2020/TT-BYT nêu tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa.
3. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.
4. Trong trường hợp có 2 nhà thầu trở lên có giá đánh giá bằng nhau, bên mời thầu sẽ chọn mặt hàng trúng thầu theo thứ tự ưu tiên sau:
 - Hàng hóa dự thầu có phân nhóm kỹ thuật được quy định tại Điều 4, Thông tư 14/2020/TT-BYT đáp ứng yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa theo thứ tự ưu tiên lần lượt từ: Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4, Nhóm 5, Nhóm 6.
 - Chọn mặt hàng của Nhà thầu là nhà sản xuất hoặc nhập khẩu trực tiếp.
 - Chọn mặt hàng của Nhà thầu có trụ sở chính/chi nhánh có vị trí địa lý gần bên mời thầu nhất.
 - Chọn Nhà thầu có tổng giá trị trúng thầu lớn hơn.

Mục 9. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: 2% giá trị hợp đồng.

Mục 11. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Bảng yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa kèm theo Bản yêu cầu báo giá kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa

Kho Vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Với các nội dung chi tiết theo bảng sau:

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
1	Hàng hóa dự thầu đúng mặt hàng, đặc tính kỹ thuật, đơn vị tính của từng hàng hóa được nêu trong tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất không hoàn toàn phù hợp, không đáp ứng yêu cầu tại Phạm vi cung cấp hàng hóa
2	Hàng hóa dự thầu đáp ứng đúng phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT (nội dung cụ thể theo bảng phân nhóm kèm theo) ⁽¹⁾	Có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của phân nhóm mà hàng hóa dự thầu của nhà thầu tham dự	Không có đầy đủ tài liệu chứng minh đáp ứng tiêu chí của nhóm mà hàng hóa dự thầu của nhà thầu tham dự
3	Hàng hóa phải có xuất xứ rõ ràng	+ Hàng hóa nhập khẩu: Phải có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: phải có Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.	+ Hàng hóa nhập khẩu: không có tờ khai hải quan + Hàng hóa sản xuất trong nước: không có bất cứ một trong các tài liệu sau: Bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền hoặc Giấy phép lưu hành sản phẩm.

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		“Đạt”	“Không đạt”
4	Hàng hóa tham dự thầu phải có bảng phân loại trang thiết bị y tế do tổ chức phân loại được Bộ Y tế cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện phân loại trang thiết bị y tế theo quy định tại Điều 17 Nghị định 36/2016/NĐ-CP.	Có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A/B/C/D còn hiệu lực theo quy định tại Điều 17 Nghị định 36/2016/NĐ-CP.	Không có phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A/B/C/D còn hiệu lực theo quy định tại Điều 17 Nghị định 36/2016/NĐ-CP.
5	-Tiền độ cung cấp hàng hóa đúng yêu cầu, kịp thời, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, - Hạn sử dụng còn lại tính từ thời điểm giao hàng đúng quy định của yêu cầu báo giá	Có Bản cam kết theo mẫu số 02	Không có Bản cam kết theo mẫu số 02

Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các nội dung yêu cầu đều được đánh giá là đạt.

Hàng hóa được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có một nội dung yêu cầu được đánh giá là không đạt.

Mặt hàng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu tại Bảng chào giá - Mẫu số 03 Chương III.

(1) Hàng hóa dự thầu phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT:

1. Quy định về phân nhóm gói thầu trang thiết bị y tế có thể có một hoặc nhiều chủng loại trang thiết bị y tế và mỗi chủng loại trang thiết bị y tế có thể được phân chia theo các nhóm như sau:

a) Nhóm 1 gồm các trang thiết bị y tế đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Được ít nhất 02 nước trong số các nước thuộc Phụ lục số I kèm theo Thông tư này (sau đây gọi tắt là nước tham chiếu) cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do;
- Sản xuất tại nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.

b) Nhóm 2 gồm các trang thiết bị y tế đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Được ít nhất 02 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do;
- Không sản xuất tại các nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.

c) Nhóm 3 gồm các trang thiết bị y tế đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Được ít nhất 01 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do;
- Sản xuất tại nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.

d) Nhóm 4 gồm các trang thiết bị y tế đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Được ít nhất 01 nước tham chiếu cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do;
- Không sản xuất tại các nước tham chiếu hoặc sản xuất tại Việt Nam.

đ) Nhóm 5 gồm các trang thiết bị y tế đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Có số lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả các trường hợp được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành);
- Sản xuất tại Việt Nam.

e) Nhóm 6 gồm các trang thiết bị y tế không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản này.

2. Việc xác định nước sản xuất trang thiết bị y tế căn cứ vào thông tin ghi trên một trong các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy phép nhập khẩu;
- b) Số lưu hành (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký lưu hành);
- c) Giấy chứng nhận lưu hành tự do và giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485.

3. Căn cứ để xác định Phân nhóm và cách xác định nhóm thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 14/2020/TT-BYT, Điểm 1 và 2 Công văn số 5888/BYT-TB-CT. Quy định việc dự thầu cụ thể như sau:

- a) Mặt hàng đáp ứng tiêu chí tại nhóm 1 được dự thầu vào nhóm 1 và các nhóm 2, 3, 4, 5, 6;
- b) Mặt hàng đáp ứng tiêu chí tại nhóm 2 được dự thầu vào nhóm 2 và các nhóm 3, 4, 5, 6;
- c) Mặt hàng đáp ứng tiêu chí tại nhóm 3 được dự thầu vào nhóm 3 và các nhóm 4, 5, 6;
- d) Mặt hàng đáp ứng tiêu chí tại nhóm 4 được dự thầu vào các nhóm 4 và nhóm 5, 6;
- đ) Mặt hàng đáp ứng tiêu chí tại nhóm 5 được dự thầu vào nhóm 5 và nhóm 6;
- e) Mặt hàng không đáp ứng tiêu chí tại nhóm 1, 2, 3, 4 và 5 thì chỉ được dự thầu vào nhóm 6.

Đối với các mặt hàng không phải là Trang thiết bị y tế hoặc không phải phân nhóm kỹ thuật (Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 1 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP, Điểm 1 và 2 Công văn số 5888/BYT-TB-CT) thì nhà thầu được phép dự thầu vào các MHH có yêu cầu kỹ thuật thích hợp, không phân biệt nhóm tiêu chí kỹ thuật

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu: Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021 theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____

[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu:

Tên dự án:

Kính gửi:

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]*, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá và sẽ thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1. Cung cấp hàng hóa đúng kỹ thuật, có chất lượng (đúng số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu của hàng hóa dự thầu) và đúng giá trúng thầu trong hợp đồng.

2. Cung ứng hàng hóa đúng tiến độ, đủ hàng hóa (chia thành từng đợt và đợt xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư), cụ thể:

- Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Giao hàng tận nơi cho bên mời thầu đến tận kho Vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi trong vòng 07 ngày theo từng đơn đặt hàng.

- Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Hàng hóa có nhãn hàng hóa đúng theo quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về nhãn hàng hóa. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản (nếu có).

- Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

3. Thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

Nếu không thực hiện đúng những cam kết nêu trên, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, các văn bản pháp quy về đấu thầu và quy định của bản yêu cầu báo giá nêu trên.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.****Tên nhà thầu:****Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:****Tên gói thầu: Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021**

T T	Mã số	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại/tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)	Đặc điểm kỹ thuật của HSMT	Đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm dự thầu	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (nếu có)	Chủng loại (model)	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Năm sản xuất	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Đơn vị tính	Phân loại	Số lượng tham dự thầu	Đơn giá dự thầu (VNĐ)	Thành tiền (VN Đ)	Phân nhóm theo TT 14/20 20	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
		Tổng cộng:																		

....., ngày.....thángnăm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (1), (2), (3), (5), (15), (20) nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.
- (10) Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu: Ghi rõ số giấy phép lưu hành sản phẩm của hàng hóa hoặc số Giấy phép nhập khẩu hoặc thông tin tương đương nội dung yêu cầu.
- (16) Phân loại: Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng hàng hóa do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau để phục vụ việc đánh giá kỹ thuật:
 - a. Hàng hóa do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 - b. Hàng hóa do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 - c. Hàng hóa do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD.
- (17) Số lượng dự thầu là số lượng đã nêu tại Phụ lục: Phạm vi cung cấp hàng hóa kèm theo Bản yêu cầu báo giá
- Các cột (4), (6), (7), (8), (9), (11), (12), (13), (14), (18), (19), (21) do nhà thầu chào.
- Đơn giá dự thầu tại cột (18) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các loại thuế, chi phí bốc xếp, vận chuyển đến kho Vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và các chi phí liên quan khác. Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021.

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH1;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Thông tư số Thông tư số: 11 /2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh.

- Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-SYT ngày 23/6/2021 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm cấp bách hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021;

- Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-SYT ngày 15/7/2021 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua cấp bách hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021

- Căn cứ Quyết định số ____/QĐ-BVĐK ngày ____ tháng ____ năm 2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua cấp bách Hóa chất, hóa chất xét nghiệm cần thiết nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa tỉnh từ tháng 7/2021 đến khi có kết quả đấu thầu bổ sung năm 2021 và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____/TB-BVĐK ngày ____ tháng ____ năm 2021 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng: Bên B sẽ giao hàng tận nơi cho Bên A đến tận kho Vật tư y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi trong vòng 07 ngày theo từng đơn đặt hàng.

Hàng hóa phải nguyên đai, nguyên kiện, nguyên hộp. Phải còn nguyên nhãn mác, tem, tuyệt đối không được cạo sửa, tẩy xóa. Hàng hóa có nhãn hàng hóa đúng theo quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về nhãn hàng hóa. Các thông tin hàng hóa phải ghi trên bao bì, các thông tin đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ vận chuyển, bảo quản (nếu có).

Cam kết cung cấp hàng hóa đủ hạn dùng (đối với hàng hóa có hạn sử dụng) tính từ thời điểm cung ứng hàng hóa cho đơn vị sử dụng, phải đảm bảo tối thiểu còn 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

3. Thời gian thanh toán: Trong vòng không quá 120 ngày khi có đủ chứng từ và hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên bán giao cho bên mua.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/8/2021.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày từ khi

ngày Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam, hoặc nộp tiền mặt tại Phòng tài chính kế toán bệnh viện.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31/8/2021.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: Sau khi hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/8/2021.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ 03 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽³⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
1	Acid Citric	Dạng rắn	6	Kg	31.800	250	7.950.000
2	Cồn tuyệt đối	Chai 1 lít	5	Chai	56.870	30	1.706.100
3	Vôi soda	Chai 500g	6	Kg	132.000	10	1.320.000
4	Dầu Parafin	dạng lỏng	6	lít	201.300	20	4.026.000
5	Formaldehyde	Chai 1 lít	5	Lit	66.000	30	1.980.000
6	Toluen	Chai 500ml	6	Lit	198.000	40	7.920.000

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
7	HBV - DNA PCR Định lượng	Bộ sinh phẩm đóng gói gồm: + Tất cả các thành phần phản ứng real-time PCR (với kit PCR). + Tube chạy phản ứng tương thích với máy real-time PCR + Chứng âm, chứng dương 3. Chỉ tiêu kỹ thuật a. Mục đích: Định lượng HBV b. Kit được pha chế ở dạng “ready to use” c. Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả. d. Kit định lượng có sản phẩm PCR $\leq 100\text{bp}$. e. Chương trình real-time PCR giống kit phát hiện các tác nhân khác để chạy nhiều kit cùng lúc. f. Thời gian phát hiện trên máy real-time PCR: ≤ 90 phút. g. Thích hợp tối thiểu với các hệ thống real-time PCR	3	Test	330.313	850	280.766.050

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
8	HCV PCR Định lượng	- Bộ sinh phẩm gồm: + Tất cả các thành phần phản ứng real-time RT-PCR + Tube chạy phản ứng tương thích với máy real-time PCR + Chứng âm, chứng dương 3. Chỉ tiêu kỹ thuật a. Mục đích: Định lượng HCV b. Kit được pha chế ở dạng “ready to use” (sẵn sàng sử dụng), c. Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả. d. Kit định lượng có sản phẩm PCR $\leq 100\text{bp}$. e. Chương trình real-time PCR giống kit phát hiện các tác nhân khác để chạy nhiều kit cùng lúc. f. Thời gian phát hiện trên máy real-time PCR: ≤ 90 phút. g. Thích hợp tối thiểu với các hệ thống real-time PCR	3	Test	397.031	60	23.821.860

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
9	PCR lao	- Bộ xét nghiệm IVD sàng lọc phức hợp vi khuẩn lao M. tuberculosis (MTBC) - Có chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại EU - Nguồn mẫu: mẫu đờm, mẫu mô, dịch não tủy, dịch màng phổi mẫu máu toàn phần, mẫu nước tiểu - Sử dụng kỹ thuật: real-time PCR - Giới hạn phát hiện (LOD): 200 copies/ml. - Cung cấp bao gồm hóa chất tách chiết và bộ xử lý đàm	3	Test	234.000	32	7.488.000
10	qPCR 4Standard Kit	Dùng xây dựng đường chuẩn cho các phản ứng PCR định lượng. Đóng gói: 4 standard/bộ. Thành phần: Các tube 0.2ml chứa PCR Mix có sẵn standard với các nồng độ 10^2, 10^4, 10^6, 10^8 copies.	6	Bộ	243.000	48	11.664.000
11	Fasciola (Sán lá lớn ở gan)	Tầm soát định tính kháng thể IgG kháng Fasciola trong huyết thanh với kỹ thuật miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA).Độ nhạy: 88 %.Độ đặc hiệu: 96 %.	3	Test	46.875	120	5.625.000

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
12	Matrix AHG (Coombs) Test Card hoặc tương đương	GelCard 6 giếng gồm: - AHG - AHG - AHG - AHG - AHG - AHG AHG(dòng 12011D10) x 6 Dùng làm xét nghiệm Coombs trực tiếp; Coombs gián tiếp bao gồm phản ứng hòa hợp, sàng lọc kháng thể bất thường và định danh kháng thể bất thường ở nhiệt độ 37 độ C	1	Card	86.500	1.500	129.750.000
13	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Niệu	Hộp 3 x 12ml	3	Hộp	8.365.000	1	8.365.000
14	Khí oxygen y tế	Hoi, đạt chất lượng oxy y tế 99,6%. Cung cấp bằng bình chứa 6,5m3	6	m ³ hơi	9.570	962	9.206.340
15	Cysticercois (gạo heo)	Tầm soát định tính kháng thể IgG kháng Taenia solium trong huyết thanh. Tổng thời gian ủ 20 phút ở nhiệt độ phòng. Độ nhạy: 88 %. Độ đặc hiệu: 96 %.	3	Test	46.875	192	9.000.000

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
16	Strongyloides (giun lươn)	Xét nghiệm Strongyloides ELISA là xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA) dùng để phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Bảo quản: 2-80C.Độ nhạy: 100%.Độ đặc hiệu:100%.	3	Test	46.875	192	9.000.000
17	Toxocaracansis (giun đũa chó)	Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong mẫu huyết thanh và huyết tương người sử dụng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA).Độ nhạy: 87.5 %.Độ đặc hiệu: 93.3 %.	3	Test	46.875	192	9.000.000
18	Thuốc thử xét nghiệm PT	10x10ml, Chất lượng ISO. Dùng phù hợp trên máy xét nghiệm CP2000	3	Hộp	11.797.500	2	23.595.000
19	CUVETT CP 2000 hoặc tương đương	1000 cái, làm từ high polymer PS, đường kính Ø8.8×30mm Chất lượng ISO. Dùng phù hợp trên máy xét nghiệm CP2000	3	Hộp	7.562.500	15	113.437.500

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
20	Combur10 Test M hoặc tương đương	Que thử mười thông số nước tiểu để đánh giá bằng phương pháp quang phổ kế phản xạ. Giá trị kết quả Glucose: NORM, 3, 6, 17, 56 mmol/L (NORM, 50, 100, 300, 1000 mg/dL). 100 test/ hộp	3	Hộp	714.000	32	22.848.000
21	Heamatology Control 1,2,3	3 x 2 x 4.5 ml	3	Hộp	11.400.000	1	11.400.000
22	Kit tách chiết RNA	-Bộ sinh phẩm đóng gói , gồm: +Tube và các dung dịch dùng cho tách chiết RNA. +Bộ kit thuần nhất xử lý mẫu. 3. Chỉ tiêu kỹ thuật a. Mục đích: Sử dụng tách RNA từ các loại mẫu. b. Kit được pha chế ở dạng “ready to use” (sẵn sàng sử dụng), c. Dung hóa chất để tủa RNA, không dùng Phenol. d. Tủa phải có màu (xanh, đỏ...) để quan sát được e. Kit có quy trình tách chiết giống với tác nhân DNA. RNA sau tách chiết thực hiện RT-PCR, real-time RT-PCR	3	Test	94.920	60	5.695.200

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
		ngay mà không cần pha loãng. f. Quy trình đơn giản. Thời gian $\leq$ 45 phút. g. Mẫu đàm, mủ sau thuần nhất không ủ qua đêm, có thể tách RNA ngay					
23	Kit tách chiết DNA	- Bộ sinh phẩm đóng gói gồm: +Tube và các dung dịch dùng cho tách chiết DNA. +Bộ kit thuần nhất xử lý mẫu. 3. Chỉ tiêu kỹ thuật a. Mục đích: Sử dụng tách DNA từ các loại mẫu. b. Kit được pha chế ở dạng “ready to use” (sẵn sàng sử dụng), c. Dung hóa chất để tách DNA, không dùng Phenol. d. Tủa phải có màu (xanh, đỏ...) để quan sát được e. Kit có quy trình tách chiết giống với tác nhân RNA. Do đó có thể thực hiện chung các tác nhân trong 1 lần. DNA sau tách chiết thực hiện PCR, real-time PCR ngay mà không cần pha loãng.	3	Test	123.200	850	104.720.000

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
		f. Quy trình đơn giản. Thời gian $\leq$ 45 phút. g. Mẫu đàm, mủ sau thuần nhất không ủ qua đêm, có thể tách DNA ngay					
	Tổng cộng:	23 mặt hàng					810.284.050

Giá trên đã bao gồm các loại thuế, chi phí bốc xếp, vận chuyển đến kho Vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và các chi phí liên quan khác.

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

STT	Tên hóa chất	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Phân nhóm theo TT 14/2020/TT- BYT	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
------------	---------------------	------------------------------------	--	------------	---------------------------------------	-----------------	--------------------------------------

